

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác đất san lấp tại khu vực thực hiện dự án Mở rộng khai trường, làm đường vận tải mỏ đất san lấp và khoáng sản đi kèm phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH thương mại Cường Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 9423/UBND-CN ngày 02/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương cho Công ty TNHH thương mại Cường Giang lập hồ sơ tận thu đất thải trong quá trình thi công Dự án mở rộng khai trường và làm đường vận tải mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn;

Xét Văn bản số 7644/STNMT-BVMT ngày 21/8/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất san lấp tại khu vực thực hiện dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm tại phường Bắc Sơn, thị xã Bỉm Sơn của Công ty TNHH thương mại Cường Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1542/Tr-STNMT ngày 01/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi

trường của Dự án khai thác đất san lấp tại khu vực thực hiện dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH thương mại Cường Giang (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác đất san lấp tại khu vực thực hiện dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn của Công ty TNHH thương mại Cường Giang thực hiện tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Bím Sơn, Giám đốc Công ty TNHH thương mại Cường Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND p. Bắc Sơn (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Khai thác đất san lấp tại khu vực thực hiện dự án Mở rộng khai
trường và làm đường vận tải mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản
đi kèm tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn của
Công ty TNHH thương mại Cường Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án khai thác đất san lấp tại khu vực thực hiện dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải mỏ đất san lấp và thu hồi khoáng sản đi kèm tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn.
- Địa điểm thực hiện dự án: phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Cường Giang.
 - + Người đại diện: Nguyễn Văn Phong; Chức vụ: Giám đốc.
 - + Địa chỉ liên hệ: Số 89, đường Nguyễn Đức Cảnh, Phường Ba Đình, thị xã Bím Sơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi, quy mô: Tổng diện tích sử dụng đất là 38.590,4 m², trong đó:
 - + Diện tích khu vực mở rộng khai trường: 30.807,4 m² được giới hạn bởi các điểm góc: 1, 2, 3, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 8, 9, 10 và 11.
 - + Diện tích khu vực làm đường vận chuyển: 7.783 m² được giới hạn bởi các điểm góc: 4, 5, 6, 7, 17, 16, 15, 14, 13 và 12.
- Ranh giới tọa độ khu vực cụ thể như sau:

Điểm góc	TOẠ ĐỘ VN 2000	
	X(m)	Y(m)
Diện tích khu mở rộng khai trường S = 30.807,4 m ²		
1	2225 428,30	589 002,90
2	2225 396,00	588 903,00
3	2225 466,00	588 837,00
12	2225 489,02	588 848,65
13	2225 492,87	588 983,44
14	2225 525,98	589 012,84
15	2225 563,71	588 992,56
16	2225 586,28	588 969,38
17	2225 624,22	588 954,61
8	2225 672,40	589 004,77
9	2225 604,00	589 099,00

10	2225 515,86	589 092,52
11	2225 464,15	589 057,25
Diện tích khu vực tuyến đường $S = 7.783 \text{ m}^2$		
4	2225 519,00	588 863,00
5	2225 527,00	588 973,00
6	2225 536,74	588 975,11
7	2225 594,97	588 924,15
17	2225 624,22	588 954,61
16	2225 586,28	588 969,38
15	2225 563,71	588 992,56
14	2225 525,98	589 012,84
13	2225 492,87	588 983,44
12	2225 489,02	588 848,65

* Công suất khai thác: 223.054,7 m³/năm.

* Thời gian khai thác: 12 tháng.

1.3. Công nghệ khai thác

- Công nghệ khai thác: phương pháp khai thác lộ thiên, hệ thống khai thác theo lớp bằng, khai thác từ trên xuống dưới, từ ngoài vào trong, bốc xúc bằng máy xúc và vận chuyển bằng ô tô.

- Quy trình công nghệ khai thác như sau: bốc xúc → vận chuyển đất đi tiêu thụ.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.4.1. Các hạng mục công trình

a. Các hạng mục công trình chính của dự án:

- Khu nhà điều hành: diện tích 100 m².
- Khu nhà bếp, nhà ăn: diện tích 90,0 m².
- Khu nhà nghỉ ca công nhân: diện tích 155 m².
- Khu vật tư: diện tích 225 m².
- Hồ lắng 02 ngăn: 02 hồ số 1, 2; diện tích 855m²/hồ; kích thước (DxRxS = 30m x 28,5m x 2,0 m); kết cấu: đất sét đầm chặt bao quanh thành và đáy.
- Trạm cân 50 tấn: diện tích 36m².
- Kho chất thải nguy hại: diện tích 5 m².
- Khu vực phụ trợ: diện tích 330 m².
- Nhà vệ sinh: diện tích 20 m².

b. Các công trình thi công xây dựng:

- Thi công làm đường vận tải: Đầu tư xây dựng mới tuyến đường vận tải có chiều dài 42m, chiều rộng 6m; đầu đường cos +45m, cuối đường cos +65m, góc dốc trung bình 9,88%.

- Tạo tầng công tác ban đầu: Đầu tư xây mới tầng công tác ban đầu, cao độ thi công $\cos + 65\text{m}$.

- Bãi rửa xe: Đầu tư xây mới khu vực rửa bánh xe có diện tích 20m^2 (kích thước: $4,0\text{m} \times 5,0\text{m}$).

1.4.2. Các hoạt động của Dự án:

Các hoạt động của Dự án gồm: Xây dựng các hạng mục công trình phục vụ khai thác; hoạt động khai thác, xúc bốc, vận chuyển đi tiêu thụ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Quá trình xây dựng làm phát sinh khối lượng thực vật phát quang, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung và phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố do sạt lở trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình.

2.2. Giai đoạn vận hành:

- Hoạt động của các thiết bị xúc bốc, san gạt làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Các rủi ro, sự cố liên quan tới hoạt động khai thác, vận hành các hạng mục, công trình xử lý môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,65\text{m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD_5 , TSS, Amoni, tổng Coliform.

- Nước thải từ hoạt động rửa lốp bánh xe phát sinh khoảng $1,0\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất khoảng $31.449\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt $0,87\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải từ hoạt động rửa lốp bánh xe phát sinh khoảng $7,8\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước mưa chảy tràn phát sinh ngày lớn nhất khoảng 31.891 m³/ngày.
Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2. Nguồn phát sinh khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Bụi phát sinh do hoạt động thi công xây dựng (đào đắp, xây dựng và vận chuyển nguyên vật liệu).

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải nguyên vật liệu, vận chuyển đất đi tiêu thụ, thiết bị sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diesel. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Bụi, CO, NO_x, SO₂.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi phát sinh trong quá trình xúc bốc, vận chuyển.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải nguyên vật liệu và sản phẩm sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diesel. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO, NO_x, SO₂.

- Với số chuyến vận chuyển tối đa trong ngày là 78 chuyến, nồng độ các chất khí: CO, NO_x, SO₂ đạt quy chuẩn cho phép; chỉ tiêu bụi đều vượt quy chuẩn cho phép (với vận tốc gió $u=1,5\text{m/s}$, tại vị trí cách 20 m, nồng độ bụi vượt 1,5 lần; tại vị trí cách 30 m, nồng độ bụi vượt 1,48 lần).

3.3. Chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6,8kg/ngày trong thời gian thi công xây dựng mỏ. Thành phần chủ yếu là: thức ăn thừa, vỏ chai, túi nilong.

- Khối lượng đất đào dư thừa từ bạt ngọn công tác ban đầu, làm đường lên núi phát sinh trong xây dựng khoảng 1.720m³.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn vận hành chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 8,8kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

3.4. Chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh khoảng 03kg/tháng từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị. Thành phần chủ yếu là: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,....

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Không phát sinh do không tiến hành thay dầu tại Dự án.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại dạng rắn phát sinh từ hoạt động sửa chữa nhỏ đối với các máy móc, thiết bị với khối lượng khoảng 10kg/tháng. Thành phần chủ yếu: giẻ lau nhiễm dầu, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy,....

- Chất thải nguy hại dạng lỏng phát sinh khoảng 192,9 lít/năm. Thành phần chủ yếu là dầu máy thải.

3.5. Tiếng ồn, độ rung và các tác động không liên quan đến chất thải khác:

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công.
 - + Tác động do sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...
- Giai đoạn vận hành:
 - + Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ thiết bị bốc xúc và phương tiện vận chuyển.
 - + Tác động do sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn khai thác tận thu:

- Nước thải nhà vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) được thu gom, xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn hiện hữu với tổng thể tích 3m^3 tại khu nhà vệ sinh chung của khu vực khai trường; nước thải sau bể tự hoại theo đường ống chảy ra hồ lắng số 01 để tiếp tục xử lý trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý bùn cặn với tần suất 01 năm/lần hoặc khi gần đầy bể.
- Bố trí khu vực rửa bánh xe cạnh hồ lắng; nước thải rửa bánh xe được thu gom, dẫn về hồ lắng số 01 để tiếp tục xử lý trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.
- Nước mưa chảy tràn:
 - + Nước mưa chảy tràn khu vực văn phòng → rãnh thu gom → Hồ lắng số 01 (diện tích khoảng 285 m^2 , chia 02 ngăn bằng vách ngăn lửng, kết cấu nền đất, thành xây đá lát khan, cao hơn nền xung quanh để hướng nước mưa chảy tràn theo rãnh thu gom vào ngăn số 01, sau lắng chảy sang ngăn số 2) → Nước sau lắng một phần được tái sử dụng giảm thiểu bụi, phần còn lại thoát ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực.
 - + Nước mưa chảy tràn khu vực khai thác → Mương thoát nước (kích thước rộng $0,8\text{ m} \times$ sâu $0,6\text{ m}$) → Hồ lắng số 02 (diện tích khoảng 570 m^2 , chia 02 ngăn bằng vách ngăn lửng, kết cấu nền đất, thành xây đá lát khan, cao hơn nền xung quanh để hướng nước mưa chảy tràn theo rãnh thu gom vào ngăn số 01, sau lắng chảy sang ngăn số 2) → Nước sau lắng một phần được tái sử dụng giảm thiểu bụi, phần còn lại thoát ra hệ thống mương thoát nước chung của khu vực.
 - Nước sau 02 hồ lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, (cột B) trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, lắng nước mưa chảy tràn đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước mưa và hệ sinh thái khu vực trong quá trình thi công xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt (nước đại tiện, tiểu tiện) phát sinh được thu gom, xử lý tại bể tự hoại; định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển bùn thải đi xử lý theo quy định; nước thải tắm giặt, rửa tay chân được dẫn về hồ lắng số 01 để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Toàn bộ nước tại moong khai thác, khu vực văn phòng tự chảy về 02 hồ lắng để lắng trước khi chảy ra môi trường. Định kỳ, nạo vét các khe rãnh thu gom nước và hồ lắng.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn khai thác tận thu:

- Thường xuyên phun nước làm ẩm, giảm bụi tại các tuyến đường vận tải và các khu vực thi công với tần suất 2 - 4 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất vào mùa khô.

- Sử dụng xe được đăng kiểm; bảo dưỡng định kỳ, thường xuyên các máy thi công và phương tiện vận tải làm việc trong mỏ.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân làm việc trực tiếp tại mỏ theo quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động và an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Bố trí khu vực rửa xe vận chuyển ra vào dự án tại khu vực gần hồ lắng, các xe vận chuyển được rửa lớp bánh xe trước khi ra khỏi Dự án.

- Thực hiện che phủ bạt các phương tiện vận chuyển, vận chuyển theo đúng tải trọng cho phép; bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh dọc tuyến đường vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ khi để xảy ra rơi vãi nhằm hạn chế tác động đến hoạt động giao thông và khu dân cư xung quanh.

- Hạn chế tối đa vận chuyển đất vào khung giờ cao điểm (giờ đi/tan học của học sinh, công nhân...); chỉ được phép vận chuyển tối đa 78 chuyến/ngày.

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thực hiện và giám sát các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn khai thác tận thu của Dự án.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng và khai thác tận thu:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- + Tại khu vực văn phòng: Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt với dung tích 50l để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân văn phòng;

- + Tại khu vực nhà bếp và nhà ăn ca: Bố trí 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt với dung tích 50l tại khu vực tập kết rác thải sinh hoạt để thu gom toàn bộ rác thải phát sinh từ dự án.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý với tần suất 2 ngày/lần.

- Chất thải phát sinh từ quá trình xây dựng: Đất san lấp từ bạt ngọn công tác ban đầu, làm đường lên núi có khối lượng khoảng 1.720m³ tương đương 2.218,8m³, vận chuyển đi san lấp theo hợp đồng đã ký kết.

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP), Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn khai thác tận thu:

- Chất thải nguy hại dạng lỏng: Bố trí ít nhất 01 thùng phi, dung tích 100 lít có nắp đậy, dán nhãn (đặt tại kho chứa chất thải nguy hại 5m²) để thu gom chất thải nguy hại lỏng.

- Đối với chất thải nguy hại dạng rắn: giẻ lau dính dầu, pin, acquy hỏng...thu gom vào ít nhất 02 thùng chứa thể tích 60 lít, đặt tại kho chứa chất thải nguy hại 5m² để lưu giữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

Phân loại, thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

4.5.1. Giai đoạn thi công và giai đoạn khai thác tận thu:

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt kiểm định chất lượng theo yêu cầu; ưu tiên sử dụng các thiết bị có mức rung thấp; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị làm việc tại mỏ, trang bị bảo hộ cho người lao động.

- Trồng và duy trì cây xanh xung quanh tuyến đường vận tải.

4.5.2. **Yêu cầu bảo vệ môi trường:** Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn cháy nổ.

4.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản:

a. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

- Sau khi kết thúc giai đoạn khai thác tận thu, để đảm bảo mặt bằng triển khai thi công các hạng mục công trình phục vụ dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải phục vụ khai thác mỏ, đồng thời đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động của Dự án, Chủ đầu tư thực hiện: xây dựng biển báo nguy hiểm; bạt mái taluy đảm bảo an toàn; củng cố bờ moong khai thác; san gạt mặt bằng tại cos +45m; di dời máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực dự án; phá dỡ các công trình hiện hữu; nạo vét mương thoát nước khu vực xung quanh.

(Dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải phục vụ khai thác mỏ bao gồm các hạng mục công trình:

+ Khu vực mở rộng khai trường bao gồm các hạng mục: Khu nhà điều hành: diện tích 243m²; Khu nhà bếp, nhà ăn: diện tích 226,8m²; Khu nhà nghỉ ca công nhân: diện tích 210m²; xưởng sửa chữa + nhà để xe, máy khai thác: diện tích 1400m²; Khu vật tư: diện tích 210m²; Nhà để xe CBCNV: diện tích 264m²; Nhà bảo vệ: diện tích 9m²; Tuyến đường vận tải: diện tích 2720m²; Hồ thu nước: diện tích 250m²; Bãi tập kết đất giàu silic: diện tích 7.000m²; sân, đường nội bộ: diện tích 19648,2m²; Trạm cân 50 tấn: diện tích 36m²; Cổng, hàng rào;

+ Khu vực đường vận tải: Chiều dài 272 m, rộng 10 m).

- Việc cải tạo phục hồi môi trường khu vực Dự án Mở rộng khai trường và làm đường vận tải phục vụ khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 46/GP-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh, được thực hiện khi hết thời hạn thuê đất của Dự án mở rộng nêu trên (đến ngày 20/01/2047), các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường bao gồm:

- Đối với tuyến đường vận tải: Lu lèn, san gạt mặt bằng để bàn giao lại cho Chính quyền địa phương quản lý và sử dụng.

- Đối với khu vực dự án Mở rộng khai trường:

+ San lấp hồ thu nước.

+ Tháo dỡ các hạng mục công trình xây dựng.

+ Vận chuyển máy móc về bãi tập kết của khu vực.

+ Trám lấp giếng khoan.

+ Đào hố, phủ đất màu, trồng cây keo tai tượng Úc.

- Đối với khu vực xung quanh: Nạo vét rãnh thoát nước, cải tạo tuyến đường ngoại mỏ.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	Khu vực tuyến đường vận tải		
-	Lu lèn, san gạt mặt bằng tuyến đường vận tải	m ²	7.783

II	Khu vực dự án Mở rộng khai trường		
1	Lắp hồ thu nước	100m ³	5
2	Tháo dỡ các công trình xây dựng		
-	Tường xây gạch	m ³	837,5
-	Móng đá học	100m ³	4,46
-	Mái lợp tôn	100m ²	2,369
-	BTCT chịu lực	m ³	134
-	Sắt thép, xà gỗ các loại	tấn	2,61
-	Gạch	m ³	710
-	Cửa các loại	m ²	47,8
-	Bê tông các loại	m ³	609,1
-	Cột Bê tông LT14B	Cột	4
-	Dây cáp điện	m	200
3	Di chuyển máy móc thiết bị	ca xe	4
4	Trám lấp giếng khoan	m ³	0,39
5	Vận chuyển đồ thải	100m ³ /1km	102,03
6	Thông hút bể tự hoại	m ³	3
7	Tháo dỡ hệ thống điện, trạm cân	Công	3
8	Đào hồ trồng cây	100m ³	1,38
9	Vận chuyển đất màu (từ khu vực khai thác theo giấy phép số 46/GP - tính khối lượng theo hồ trồng cây)	100m ³	1,38
10	Trồng keo tai tượng Úc	ha	3,0807
III	Khu vực xung quanh		
1	Gia cố tuyến đường ngoại mở	100m ²	12
2	Nạo vét mương thoát nước	100m ³	0,202
IV	Chi phí khác		
1	Chi phí duy tu, bảo trì công trình		01 đợt
2	Chi phí lắp đặt nội quy		01 lần

b. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **236.685.003** đồng (*Hai trăm ba sáu triệu, sáu trăm tám lăm nghìn, không trăm không ba đồng*).

- Do Dự án mở rộng nêu trên có thời hạn thuê đất bằng thời hạn thuê đất để thực hiện Dự án khai thác đất và tận thu khoáng sản đi kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 46/GP-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh (*thời hạn cho thuê đất đến ngày 20/01/2047, đến nay còn 23 năm*); sau khi kết thúc dự án khai thác khoáng sản, Dự án mở rộng nêu trên sẽ hết thời gian thuê đất, Công ty phải thực hiện cải tạo phục hồi môi trường. Do đó, Công ty thực hiện nộp ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án mở rộng song

song với thời gian thực hiện ký quỹ của Dự án khai thác đất và tận thu khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 46/GP-UBND nêu trên. Vậy, số lần ký quỹ: 22 lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (15%) (làm tròn): **35.502.750 đồng** (*ba mươi lăm triệu, năm trăm linh hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng*); Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng các hạng mục công trình bổ sung của Dự án.

+ 21 lần tiếp theo, số tiền mỗi lần (làm tròn): **9.580.108 đồng** (*chín triệu năm trăm tám mươi nghìn một trăm linh tám đồng*); Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2024. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Tên đơn vị: Quỹ bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

- Địa chỉ : 14 đường Hạc Thành, thành phố Thanh Hóa.

- STK: 5010410752 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa.

4.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thường xuyên kiểm tra và quan trắc hiện tượng trượt, sạt lở (nhất là sau các trận mưa lớn).

- Công tác phòng chống mưa bão: lập kế hoạch chống bão trong sản xuất kinh doanh, chủ động bố trí nhân lực, tập huấn và trao đổi kinh nghiệm trong phòng chống bão, dự trữ thêm vật tư sửa chữa, phương tiện bảo vệ cá nhân, áp phao, dây neo, áo quần đi mưa...

- Lập phương án phòng ngừa sự cố liên quan tới vỡ/tràn hồ lắng, trượt lở moong khai thác.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống khe hoặc mương thoát nước, hệ thống công tránh hiện tượng bồi lắng đất ở cửa và trong lòng khe, mương, cống; thường xuyên nạo vét hồ lắng.

- Trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân khai thác lộ thiên.

- Tổ chức tập huấn, huấn luyện cho toàn bộ công nhân viên về kỹ thuật an toàn trong khai thác mỏ, định kỳ tiến hành kiểm tra trình độ, kiến thức về an toàn lao động.

- Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Theo quy định tại Điều 111, 112, Luật BVMT 2020; Điều 97, 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường nước thải, bụi, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
- Chủ dự án chỉ được thực hiện khai thác khoáng sản sau khi được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật; đảm bảo an toàn tuyệt đối về môi trường trong quá trình hoạt động khai thác khoáng sản.
- Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật về khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.
- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường của Dự án, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định có liên quan về bảo vệ môi trường.
- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện Dự án theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- Tuân thủ nghiêm công tác cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành; nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và những yêu cầu bắt buộc về môi trường nêu trong Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án.
- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm toàn bộ trước pháp luật và bồi thường thiệt hại về môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật.

- Không thực hiện khai thác khi trời mưa.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.